TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/KDTM-ST
Ngày: 26-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Lềnh Khâm Vĩ, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 77/2025/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* CÔNG TY C; địa chỉ trụ sở: Trust Company Complex, đường A, Đảo A, Thành phố M, Cộng hòa Quần Đảo M MH 96960.

Người đại diện hợp pháp: Bà V, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Bà Xu Hong ủy quyền cho ông Vương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 84, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 15/7/2025), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Q; địa chỉ: Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 4, đường Đ, ấp S, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh Q; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (được dịch sang Tiếng Việt), các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2022 đến năm 2024, Công ty C và Công ty Q có ký các Hợp đồng số: (1) 20221114 ngày 14/11/2022; (2) 20221129 ngày 29/11/2022; (3) GBCZ20230609 ngày 09/06/2023; (4) GBCZ20240117 ngày 17/01/2024; (5) GBCZ20240220-1 ngày 20/02/2024; (6) GBCZ20240220-2 ngày 20/02/2024 về việc Công ty C bán cho Công ty Q hàng hóa là các hợp chất hóa học Toluene Diisocyanate và Polyether Polyol dùng để sản xuất bọt đệm, xốp Pu. Căn cứ theo các hợp đồng trên thì Công ty C đã giao cho Công ty Q số lượng hàng hóa theo yêu cầu có tổng giá trị là 292.779 USD đã bao gồm thuế. Tuy nhiên cho đến nay Công ty Q mới chỉ thanh toán được số tiền là 43.400,00 USD và còn nợ lại số tiền là 249.379,00 USD chưa thanh toán.

Đối với số tiền mua hàng chưa thanh toán Công ty C đã rất nhiều lần liên hệ và nhắc nhở nhưng sau nhiều lần hứa hẹn và cam kết thì cho đến nay phía Công ty Q vẫn chưa thanh toán số tiền 249.379,00 USD còn nợ cho Công ty C. Việc Công ty Q kéo dài và cố tình chây ỳ không thanh toán số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng và gây ra cho Công ty C rất nhiều khó khăn và thiệt hại nghiêm trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về thẩm quyền: Trước đây tại các Hợp đồng mua bán hai bên có lựa chọn nơi giải quyết tranh chấp là Ủy ban trọng tài kinh tế và thương mại quốc tế Trung Quốc của Hội đồng thúc đẩy thương mại quốc tế Shenzhen Br để phán quyết. Tuy nhiên, tại Biên bản thỏa thuận giải quyết công nợ gần nhất là ngày 25/11/2024 thì hai bên đã thỏa thuận lại nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Do vậy hiện nay Công ty C không yêu cầu Ủy ban trọng tài kinh tế và thương mại quốc tế Trung Quốc của Hội đồng thúc đẩy thương mại quốc tế Shenzhen Br giải quyết tranh chấp mà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp.

Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C tổng số tiền là: 283.959,54 USD, tương ứng với số tiền 7.113.470.436 đồng theo tỷ giá là 25.051 đồng/ USD, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 249.379,00 USD tương ứng với số tiền 6.247.193.329 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/01/2025 đến khi ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/02/2026) với lãi suất 1%/ tháng là: 249.379,00 USD x 1%/ tháng x 13 tháng 26 ngày = 34.580,54 USD tương ứng với số tiền: 866.277.107 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn của Công ty Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định; bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 30, 35, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền phát sinh từ việc mua bán hàng hóa. Tại các Hợp đồng mua bán hai bên có lựa chọn nơi giải quyết tranh chấp là Ủy ban trọng tài kinh tế và thương mại quốc tế Trung Quốc của Hội đồng thúc đẩy thương mại quốc tế Shenzhen Br để phán quyết. Tuy nhiên, tại Biên bản thỏa thuận giải quyết công nợ ngày 25/11/2024 thì hai bên đã thỏa thuận lại nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam. Mặt khác, bị đơn Công ty Q có trụ sở tại địa chỉ: Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 4, đường Đất Cuốc số 02, ấp Suối Sâu, xã Bắc Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Vương Đức T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại Công văn số 3327/ĐKKD-THK2 ngày 21/10/2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xác định tình trạng pháp lý của Công ty Q chưa đăng ký thay đổi nội dung hay giải thể doanh nghiệp và kết quả xác minh của Tòa án thì Công ty Q còn hoạt động ở địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Q nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hàng là 249.379,00 USD: Xét thấy, từ năm 2022 đến năm 2024, giữa Công ty C và Công ty Q ký các hợp đồng mua bán hàng hoá sau: Số 20221114 ngày 14/11/2022; số 20221129 ngày 29/11/2022; số GBCZ20230609 ngày 09/06/2023; số GBCZ20240117 ngày 17/01/2024; số GBCZ20240220-1 ngày

20/02/2024; số GBCZ20240220-2 ngày 20/02/2024. Theo đó, Công ty C bán cho Công ty Q hàng hóa là các hợp chất hóa học Toluene Diisocyanate và Polyether Polyol dùng để sản xuất bọt đệm, xốp Pu. Căn cứ theo các hợp đồng trên, Công ty C đã giao cho Công ty Q số lượng hàng hóa theo yêu cầu có tổng giá trị là 292.779,00 USD đã bao gồm thuế. Công ty Q đã thanh toán được số tiền là 43.400,00 USD và còn nợ số tiền là 249.379,00 USD. Tại biên bản thỏa thuận về việc giải quyết công nợ mua hàng ngày 25/11/2024 thì hai bên đã xác định số tiền hàng Công ty Q còn nợ số tiền là 249.379,00 USD; phương thức thanh toán công nợ được thỏa thuận: Trước ngày 31/12/2024, Công ty Q sẽ thanh toán cho Công ty C số tiền 20.000.000 USD; đối với số tiền còn lại dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Q sẽ đưa ra phương án thanh toán cụ thể trước ngày 15/01/2025 cho Công ty C và lập biên bản thỏa thuận nếu có. Công ty C xác định đến thời điểm hiện tại Công ty Q chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào trong số tiền hàng còn nợ. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty Q còn nợ Công ty C số tiền hàng là 249.379,00 USD đến nay chưa thanh toán. Công ty Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước về tỷ giá bán USD/VND là 01 USD/25.051VND, do vậy 249.379,00 USD được quy đổi thành tiền Việt Nam ngày 26/02/2026 là 6.247.193.329 đồng. Công ty C yêu cầu Công ty Q phải thanh toán số tiền hàng là 249.379,00 quy đổi thành tiền Việt Nam là 6.247.193.329 đồng có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán: Công ty C yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 26/02/2026 với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền là 34.580,54 USD quy đổi thành tiền Việt Nam là 866.277.107 đồng.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán tiền thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời hạn chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty C yêu cầu Công ty Q phải thanh toán tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

Theo kết quả xác minh lãi suất nợ quá hạn trung bình tại ba Ngân hàng, cụ thể Ngân hàng Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam thì mức lãi suất quá hạn Công ty Q phải trả cho Công ty C được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 12,74%/năm (tức là 1,06%/tháng). Công ty C yêu cầu 1%/tháng là thấp hơn mức lãi suất chậm thanh toán trung bình của 03 Ngân hàng tại thời điểm xác minh của Tòa án nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 1%/tháng và thời gian tính lãi đến ngày 26/02/2026 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty Q về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền hàng là 249.379,00 USD quy đổi thành tiền Việt Nam là 6.247.193.329 đồng và số tiền lãi cho chậm thanh toán là 34.580,54 USD quy đổi thành tiền Việt Nam là 866.277.107 đồng (Theo thông báo trên Website của Ngân hàng Nhà nước ngày 26/02/2026 quy đổi tỷ giá 1 USD = 25.051 VNĐ); tổng số tiền là 7.113.470.436 đồng (Bảy tỷ một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Q phải chịu 115.113.470 đồng (Một trăm mười lăm triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

- Hoàn trả Công ty C số tiền 57.521.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021437 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương